

Số: 960 /QĐ-UBND

Nghi Xuân, ngày 10 tháng 5 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp kinh phí thực hiện chính sách nông nghiệp, nông thôn 6 tháng cuối năm 2015 theo Nghị Quyết 90/2014/NQ-HĐND của HĐND tỉnh và Quyết định số 67/2014/QĐ-UBND của UBND tỉnh (Đợt 1)

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước số 01/2002/QH11 ngày 16/12/2002;

Căn cứ Nghị Quyết 90/2014/NQ-HĐND ngày 16/7/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Quyết định số 67/2014/QĐ-UBND ngày 10/10/2014 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định một số chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp nông thôn thực hiện Tái cơ cấu ngành nông nghiệp Hà Tĩnh theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, gắn với xây dựng Nông thôn mới;

Căn cứ Quyết định số 1547/QĐ-UBND ngày 09/12/2015 của UBND huyện Nghi Xuân về việc phân bổ kinh phí cho các mô hình thực hiện chính sách nông nghiệp, nông thôn 6 tháng cuối năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 935/QĐ-UBND ngày 14/4/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc cấp kinh phí thực hiện chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn 6 tháng cuối năm 2015;

Xét đề nghị của Tổ thẩm định, nghiệm thu của huyện tại Tờ trình số 01/TTr-TTĐNT ngày 09/5/2015 và Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch huyện,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp số tiền: 489.100.000 đồng (Bốn trăm tám mươi chín triệu, một trăm ngàn đồng chẵn) để thực hiện chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn 6 tháng cuối năm 2015 theo Nghị quyết số 90/2014/NQ-HĐND ngày 16/7/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh và Quyết định số 67/2014/QĐ-UBND ngày 10/10/2014 của UBND tỉnh cho các xã: Cổ Đạm, Xuân Đan, Xuân Yên, Xuân Mỹ, Cương Gián, Xuân Hội để chi trả cho các đối tượng được hưởng chính sách theo quy định (không bao gồm phần hỗ trợ chính sách cơ giới hóa nông nghiệp), cụ thể:

- Ngân sách tỉnh: 422.100.000 đồng

- Ngân sách huyện: 67.000.000 đồng

(Chi tiết có Phụ lục đính kèm)

Điều 2. Giao các phòng chuyên môn thuộc UBND huyện, các đơn vị liên quan triển khai thực hiện một số nội dung sau đây:

1. Phòng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn huyện chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, hướng dẫn các địa phương, đơn vị triển khai xây dựng mô hình thực hiện chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp nông thôn trên địa bàn đảm bảo kịp thời, có hiệu quả; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện xây dựng các mô hình tại địa phương.

2. Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện cấp số tiền ngân sách tỉnh đảm bảo và trích ngân sách huyện phân đối ứng thực hiện chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn theo quy định tại Điều 3, Nghị quyết 90/NQ-HĐND tỉnh ngày 16/7/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh; đồng thời giám sát việc thực hiện chi trả chính sách của đơn vị đảm bảo kịp thời, đúng mục đích, đối tượng được hỗ trợ.

3. Ủy ban nhân dân các xã: Cổ Đạm, Xuân Đan, Xuân Yên, Xuân Mỹ, Cương Gián, Xuân Hội có đối tượng được hưởng chính sách đã được cấp tại Quyết định này thực hiện giải ngân kịp thời, đúng mục đích, đối tượng và thanh quyết toán kinh phí theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực từ ngày ban hành.

Chánh Văn phòng HĐND&UBND huyện, Trưởng các phòng: Tài chính - Kế hoạch, Nông nghiệp & PTNT; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan, Chủ tịch UBND các xã: Cổ Đạm, Xuân Đan, Xuân Yên, Xuân Mỹ, Cương Gián, Xuân Hội căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND tỉnh Hà Tĩnh;
- Các sở: NN&PTNT, Tài chính;
- TT Huyện ủy, TT HĐND huyện;
- Chủ tịch, PCT UBND huyện;
- Các phòng: NN&PTNT, TC-KH; Tổ TĐNT;
- Lưu: VT, TCKH;
- Gửi văn bản giấy và điện tử.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hải Nam



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP CẤP KINH PHÍ
THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN 6 THÁNG CUỐI NĂM 2015
(KHÔNG BAO GỒM CƠ GIỚI HÓA NÔNG NGHIỆP)

(Kèm theo Quyết định số 960/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban nhân dân huyện Nghi Xuân)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Xã (phường, thị trấn/Nội dung hỗ trợ)	Đơn vị tính	Mức hỗ trợ	Kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ	Trong đó		Kinh phí cấp đợt 1	Trong đó		Đối tượng được hỗ trợ	Địa điểm đối tượng thực hiện mô hình (ghi rõ thôn, xóm hoặc khối phố)	Ghi chú
					NS tỉnh (đảm bảo 90%)	NS huyện (đảm bảo 10%)		NS tỉnh (cấp ứng 70% của NS tỉnh)	NS huyện			
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	XÃ CỎ ĐẠM		20,0	20,0	18,0	2,0	14,6	12,6	2,0			
1.1	Hỗ trợ thành lập mới (Khoản a, Mục 1, Điều 6, NQ 90)	HTX	20,0	20,0	18,0	2,0	14,6	12,6	2,0	HTX DVNN Cỏ Đạm, xã Cỏ Đạm	Thôn 7, xã Cỏ Đạm, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh	
2	XÃ XUÂN ĐƠN		50,0	50,0	45,0	5,0	36,5	31,5	5,0			
2.1	Hỗ trợ nâng cấp ao nuôi từ quảng canh sang thâm canh (khoản 2, điều 26, NQ 90)	MH	50,0	50,0	45,0	5,0	36,5	31,5	5,0	Ông Thạch Hữu Trung, thôn Bình Phúc, xã Xuân Đơn	Đồng Hoang, xóm Song Giang, xã Xuân Đơn, huyện Nghi Xuân	
3	XÃ XUÂN YÊN		400,0	200,0	180,0	20,0	146,0	126,0	20,0			
3.1	Hỗ trợ đóng mới tàu vỏ mới, công suất 300CV (điểm b, khoản 1, điều 27, NQ 90)	MH	400,0	200,0	180,0	20,0	146,0	126,0	20,0	Ông Phạm Văn Chính, thôn Yên Hải, xã Xuân Yên	Thôn Yên Hải, xã Xuân Yên, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh	Năm thứ nhất 200 triệu đồng
4	XÃ XUÂN MỸ		100,0	100,0	90,0	10,0	73,0	63,0	10,0			
4.1	Hỗ trợ cơ sở an toàn dịch bệnh (khoản 1, điều 22, NQ 90)	Cơ sở	100,0	100,0	90,0	10,0	73,0	63,0	10,0	UBND xã Xuân Mỹ	Thôn Vinh Mỹ, xã Xuân Mỹ, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh	
5	XÃ CƯƠNG GIẢN		400,0	200,0	180,0	20,0	146,0	126,0	20,0			
5.1	Đóng mới tàu vỏ mới, công suất 250CV (điểm b, khoản 1, điều 27, NQ 90)	MH	400,0	200,0	180,0	20,0	146,0	126,0	20,0	Ông Trần Xuân Hồng, xã Cương Gián	Thôn Trung Nam, xã Cương Gián, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh	Năm thứ nhất 200 triệu đồng
6	XÃ XUÂN HỘI		100,0	100,0	90,0	10,0	73,0	63,0	10,0			
6.1	Nâng cấp ao nuôi từ quảng canh sang thâm canh (khoản 2, điều 26, NQ 90)	MH	50,0	50,0	45,0	5,0	36,5	31,5	5,0	Ông Võ Xuân Tuyên, xã Xuân Hội	Thôn Hội Phú, xã Xuân Hội, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh	
6.2	Nâng cấp ao nuôi từ quảng canh sang thâm canh (khoản 2, điều 26, NQ 90)	MH	50,0	50,0	45,0	5,0	36,5	31,5	5,0	Ông Trần Văn Thạch, xã Xuân Hội	Thôn Hội Phú, xã Xuân Hội, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh	
Tổng cộng			1.070,0	670,0	603,0	67,0	489,1	422,1	67,0			

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN